

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DSST

Ngày: 27/11/2019

“V/v Tranh chấp

Hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Giáo Khoa và bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận– Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2016/TLST-DS ngày 10/11/2016, về việc *Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Thanh S – Sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 27 Trần Hưng Đ, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

*** Bị đơn:**

- Bà Trần Thị Thu H – Sinh năm: 1973;

- Anh Dương Quốc H1 – Sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Văn T – Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị B – Sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các đơn trình bày và đơn yêu cầu nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/01/2013, bà H có hợp đồng mua xe trả góp của bà S với sự bảo lãnh của anh H1 con ruột bà H. Theo đó, bà H mua xe mô tô hiệu DamSan với số khung VHHDCH074HH057294, số máy VHHJL152FMH00057294 và còn nợ số tiền 11.840.000 đồng. Hình thức trả số tiền còn nợ là góp mỗi tháng 500.000 đồng, thời hạn góp 24 tháng, lãi suất 1,125% trên tháng, lãi quá hạn theo hợp đồng là 2,5% trên tổng số tiền chậm trả. Sau khi mua, bà H, ông H1 không trả góp theo thỏa thuận. Do đó, nay bà S yêu cầu bà H, ông H1 trả số tiền còn nợ 11.840.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 04/01/2013.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn:

Bà H trình bày: Ngày 04/01/2013, bà H có mua của bà S 01 xe mô tô hiệu DamSan, màu sơn đỏ, biển số 78M1-7529 (do anh Lê Văn T đứng tên trên giấy đăng ký) với giá 13.500.000 đồng, đã trả trước còn nợ lại 11.840.000 đồng với sự bảo lãnh của anh H1, hình thức thanh toán số tiền còn lại là trả góp mỗi tháng 500.000 đồng. Khi mua bà S chỉ phô tô Giấy đăng ký xe do anh T đứng tên và thỏa thuận trong hợp đồng khi nào thanh toán đủ tiền còn nợ thì sẽ làm thủ tục sang tên. Sau khi mua, đến khoảng tháng 01/2014 thì bà H đã trả trước thời hạn hết số tiền còn nợ là 11.480.000 đồng cho bà S (có lúc trả thông qua nhân viên của bà S tại cửa hàng của bà S). Do đó, bà S đã cho nhân viên tiến hành làm thủ tục sang tên từ anh T sang anh H1 (con ruột bà H) và Công an huyện Đông Hòa đã cấp giấy đăng ký xe cho anh H1 vào ngày 15/01/2014, hiện anh H1 đang giữ giấy gốc đăng ký xe và giấy có đóng dấu đã thu tiền của bà S (bà S giao cho nhân viên khi đi làm thủ tục sang tên). Do đó, việc bà S cho rằng bà H còn nợ số tiền 11.840.000 đồng và yêu cầu bà H, anh H1 phải trả số tiền trên là không có căn cứ, bà H không chấp nhận. Ngoài ra bà H không trình bày hay có yêu cầu gì khác.

Anh H1 trình bày: Ngày 04/01/2013, anh H1 có bảo lãnh cho mẹ ruột là bà H khi mua xe còn nợ bà S số tiền 11.840.000 đồng như bà H trình bày. Sau khi mua, bà H đã thanh toán hết số tiền còn nợ nên bà S đã làm thủ tục sang tên cho anh H1 đứng tên trên giấy đăng ký xe vào ngày 15/01/2014 (bà H mua cho anh H1). Do đó, việc bà S yêu cầu anh H1 và bà H phải trả số tiền còn nợ 11.840.000 đồng là không có căn cứ nên anh không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh T trình bày: Từ năm 2004 đến tháng 4/2012, anh T là nhân viên làm cho bà S. Anh T có đứng tên trên một số xe mô tô cho Doanh nghiệp của bà S, để khi khách hàng mua xe và thanh toán hết nợ thì sẽ làm thủ tục sang tên cho khách hàng. Theo đó, anh T có đứng tên trên giấy đăng ký xe mà bà S bán cho bà H vào năm 2013, tuy nhiên thời điểm này anh T đã nghỉ làm nên không biết việc mua bán giữa hai bên. Đến khoảng đầu năm 2014, thì chị B nhân viên của bà S đến yêu cầu anh T

làm thủ tục sang tên cho anh H1 nên anh T đã làm thủ tục để sang tên. Còn việc tranh chấp giữa bà S với bà H, anh H1, anh T không liên quan gì mong quý Tòa xem xét.

Chị B trình bày: Chị B là nhân viên kế toán cho Doanh nghiệp của bà S. Bà H cho rằng có trả tiền nợ mua xe cho chị B tại cửa hàng của bà S, việc này chị B không nhớ rõ vì cửa hàng rất nhiều khách hàng chị không thể nhớ rõ từng người. Do đó, nếu bà H có trả tiền thì chị có xác nhận vào giấy trả tiền và nộp tiền lại cho bà S nên việc tranh chấp giữa bà H với bà S, chị B không liên quan gì, mong Tòa xem xét theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì giữa bà S với bà H có ký hợp đồng mua bán xe. Theo điều khoản trong hợp đồng thì khi nào khách hàng mua xe thanh toán hết nợ thì bà S mới cho làm thủ tục sang tên để đứng tên trên giấy đăng ký xe, hiện anh H1 con bà H là người đứng tên trên giấy đăng ký xe. Mặt khác, bà S cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà H còn nợ, bà S chỉ cung cấp Hợp đồng mua xe là bản phô tô không phải bản gốc nên không là chứng cứ hợp pháp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà S. Về án phí bà S phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của bà S, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào Hợp đồng mua xe trả góp được ký kết giữa bà S với bà H, anh H1 (người bảo lãnh) ngày 04/01/2013 (bản phô tô do bà S cung cấp) thì bà H còn nợ bà S 11.840.000 đồng với cam kết trả góp mỗi tháng 500.000 đồng. Theo đó, tại đoạn 4 Điều 2 của Hợp đồng có quy định “Kể từ ngày ký kết hợp đồng chiếc xe này là tài sản sở hữu của bà Thanh S. Bên mua xe phải nộp tiền bảo hiểm cho xe máy và ủy quyền cho bà Thanh S được nhận tiền bảo hiểm bất cứ trong trường hợp nào mà công ty bảo hiểm đền bù cho chiếc xe để bà Thanh S thu nợ. Bà Thanh S không thu tiền trước bạ và biển số giá ở tHnh phố. Khi nào bên mua xe thanh toán hết nợ cho bà Thanh S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương ...”. Như vậy, hai bên thỏa thuận khi nào bà H thanh toán hết số tiền còn nợ thì bà S cho nhân

viên ký giấy bán để sang tên theo quy định. Xe bà H mua theo hợp đồng, do anh Lê Văn T đứng tên đăng ký khi còn là nhân viên của bà S. Ngày 07/01/2014, bà S cho nhân viên là chị Nguyễn Thị B cùng bà H, anh H1 đến nh anh T để làm thủ tục ký giấy bán xe từ anh T sang anh H1 để anh H1 làm thủ tục sang tên, đăng ký xe và anh H1 đã được Công an H1ện Đông Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký xe với biển số 78G1-168.73 ngày 15/01/2014 (biển số cũ khi anh T đứng tên là 78M1-7529).

Việc bà S cho rằng, anh H1, bà H yêu cầu bà sang tên ngay khi ký hợp đồng thì bà H, anh H1 mới mua xe nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, trong quá trình giải quyết Tòa nhiều lần yêu cầu bà S cung cấp bản hợp đồng gốc cũng như các tài liệu, chứng cứ xác nhận việc bà H còn nợ số tiền mua xe nhưng bà S không cung cấp mà chỉ cung cấp bản hợp đồng phô tô nên không được chấp nhận là chứng cứ theo quy định tại các Điều 93 và 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, do đó, không có căn cứ để xem xét.

Như vậy, việc bà S yêu cầu bà H, anh H1 trả số tiền mua xe còn nợ 11.840.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 04/01/2013 là không có căn cứ nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S.

[3] Về lãi tính từ ngày 04/01/2013 đến 01/01/2017 là 47 tháng 27 ngày tương ứng với 47,9 tháng, lãi theo quy định bà S yêu cầu là: $11.840.000 \text{ đồng} \times 47,9 \text{ tháng} \times 09\%/\text{năm} = 4.253.520 \text{ đồng}$ làm tròn 4.253.000 đồng; lãi tính từ 01/01/2017 đến 27/11/2019 là 34 tháng 26 ngày tương ứng với 34,86 tháng, lãi theo quy định bà S yêu cầu là: $11.840.000 \text{ đồng} \times 34,86 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 3.439.520 \text{ đồng}$ làm tròn 3.439.000 đồng. Tổng số tiền lãi bà S yêu cầu là 7.692.000 đồng.

[4] Vậy không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S với tổng số tiền gốc và lãi là 19.532.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với 5% số tiền không được chấp nhận yêu cầu, nên bà S phải chịu 976.000 đồng (đã làm tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430 và 453 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 93, 95, 147, 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu bà Trần Thị Thu H, anh Dương Quốc H1 trả số tiền 19.532.000 đồng (*Mười chín triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*) gồm 11.840.000 đồng tiền gốc và 7.692.000 đồng tiền lãi.

Về án phí DSST: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 976.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 296.000đ (*Hai*

trăm chín mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2015/0000318 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi Hình án Dân sự H1ện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên bà Hồ Thị Thanh S còn phải nộp 680.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Trường hợp quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thoả thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H1ện Đông Hòa;
- Chi cục THADS H1ện Đông Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hồng

